

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/DS - ST.

Ngày: 14/9/2020.

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Quyết Chiến.

Ông Thạch Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Buól – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng Tm gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Điều - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLST - DS, ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2020/QĐXXST - DS, ngày 26 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. N đơn: Bà Hồ Thị Kim T, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp An Đức, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của N đơn: Ông Triệu Du N, sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà 08/5, đường ĐH, ấp 5, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền lập ngày 19/02/2020) (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1962; địa chỉ: Số nhà 259, ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn V; địa chỉ: Số nhà 259, ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 06/01/2020, đơn khởi kiện bổ sung lập ngày 19/02/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Hồ Thị Kim T trình bày: Vào ngày

20/12/2017 âm lịch (tức ngày 05/02/2018 dương lịch) bà Hồ Thị Kim T có cho bà Nguyễn Thị Mỹ H vay số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, thời hạn vay 06 tháng, khi vay tiền thì bà H có làm biên nhận, mục đích vay tiền là làm ăn kinh tế, xoay sở trong gia đình của vợ chồng bà H và ông Nguyễn Văn V. Từ khi vay đến nay bà H không có trả vốn và lãi cho bà T.

Nay bà Hồ Thị Kim T yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn V cùng có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo mức 20%/năm kể từ ngày 06/02/2018 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án, lãi suất tạm tính đến thời điểm hiện nay là 130.364.500 đồng.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H thừa nhận trong năm 2017 có vay tiền của bà Hồ Thị Kim T nhiều lần, tính đến ngày 20/12/2017 âm lịch số tiền vay gốc bà H nợ bà T 250.000.000 đồng khi đó bà H có viết biên nhận giao cho bà T, nội dung biên nhận thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, không có thỏa thuận thời gian trả gốc và trả lãi hàng tháng. Sau khi vay bà H có trả lãi đầy đủ cho bà T đến tháng 4/2019, sau đó cho đến nay thì không trả tiếp. Tuy nhiên việc trả lãi thì bà H không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh vì mỗi lần trả thì trả trực tiếp cho vợ chồng bà T, khi vay tiền thì bà H có làm biên nhận, mục đích vay tiền thì bà H chỉ phục vụ nhu cầu cá nhân của bà H do bà H cò bạc không có liên quan đến ông Nguyễn Văn V, việc giao dịch vay tiền giữa bà H và bà T thì ông V không biết vì bà T giao tiền trực tiếp cho bà H không nói cho ông V biết.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H thống nhất hoàn trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Kim T số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng nhưng số tiền này bà H vay mục đích sử dụng cá nhân do bà H cò bạc, việc vay tiền thì ông V là chồng bà H không biết. Đối với số tiền lãi, bà H thống nhất mức lãi 20%/ năm, nhưng bà H xin bà T không tính lãi và cho bà H trả dần số tiền nợ mỗi tháng 3.000.000 đồng.

- Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và đơn đề nghị xét xử vắng mặt lập ngày 17/8/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V trình bày: Ông V không biết việc hợp đồng vay tiền giữa bà Hồ Thị Kim T và bà Nguyễn Thị Mỹ H, quá trình bà T cho bà H vay tiền thì bà T cũng không nói cho ông V biết đến khi bà T khởi kiện đến Tòa án thì ông V mới biết sự việc. Mục đích bà H vay tiền sử dụng riêng không phải phục vụ nhu cầu sinh hoạt gia đình. Vì gia đình ông V 10 năm nay nguồn thu nhập chính là nghề mua bán dừa với mức thu nhập khoảng 200.000 đồng đến 300.000 đồng/ngày, bà H không có nghề nghiệp chỉ ở nhà nấu cơm và chăm sóc cháu.

Nay ông Nguyễn Văn V không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Kim T, không đồng ý có trách nhiệm trả nợ cho bà H.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người Tm gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp

luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi theo mức quy định 20%/năm từ ngày 06/02/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/9/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ nhất nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông V.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị Kim T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V cùng có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo mức 20%/năm kể từ ngày 06/02/2018 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án, tiền lãi tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 130.364.500 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Hồ Thị Kim T và bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H thống nhất xác định: Vào ngày 20/12/2017 âm lịch (tức ngày 05/02/2018 dương lịch) bà Nguyễn Thị Mỹ H có làm biên nhận để vay của bà Hồ Thị Kim T số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng và hiện nay bà H còn nợ bà T số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án nên Hội đồng xét xử khẳng định bà Nguyễn Thị Mỹ H có vay và còn nợ bà Hồ Thị Kim T số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu của N đơn bà Hồ Thị Kim T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V cùng có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi là 130.364.500 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Phía nguyên đơn cho rằng bị đơn vay tiền với mục đích làm ăn và xoay sở trong gia đình nên chồng của bị đơn là ông Nguyễn Văn V phải có trách nhiệm cùng bị đơn trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn. Phía bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V đều khẳng định việc bà H vay tiền của bà T thì ông V không biết và bà H không sử dụng số tiền vay phục vụ nhu cầu sinh hoạt gia đình; ngoài ra bà H khẳng định mục đích vay tiền nhằm sử dụng riêng do bà H mê cờ bạc nên bà H không cho ông V biết. Tại biên bản xác minh ngày 06/8/2020 (bút lục 24) thể hiện nghề nghiệp của ông V là mua bán nhỏ còn bà H thì không có nghề nghiệp và từ trên 10 năm nay nghề

nghiệp của bà H và ông V không thay đổi và không có kinh doanh gì khác. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh mục đích bà H vay tiền phục vụ nhu cầu sinh hoạt gia đình để buộc ông V phải thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng và tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp (bút lục 02) chỉ thể hiện “*tôi tên Nguyễn Thị Mỹ H ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng Tôi có mượn của chị Hồ Thị Kim T ấp A, thị trấn Đ, tỉnh Sóc Trăng số tiền 250 triệu (250.000.000 đồng) hai trăm năm mươi triệu ngày 20.12.2017 (lãi suất thỏa thuận là 05% tháng)*” và chỉ có chữ ký của bà Nguyễn Thị Mỹ H không có chữ ký xác nhận nợ của ông V.

Từ những phân tích nêu trên không có cơ sở chứng minh nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn V đối với hợp đồng vay tài sản giữa bà Hồ Thị Kim T và bà Nguyễn Thị Mỹ H.

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của N đơn bà Hồ Thị Kim T về việc buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V cùng có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi là 130.364.500 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của N đơn bà Hồ Thị Kim T buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi là phù hợp theo quy định tại Điều 274, Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn bà Hồ Thị Kim T về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền lãi theo mức 20%/năm tính từ ngày 06/02/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/9/2020, Hội đồng xét xử xét thấy:

Phía nguyên đơn bà Hồ Thị Kim T cho rằng từ khi vay ngày 05/02/2018 (tức ngày 20/12/2017 âm lịch) bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H không có trả lãi cho bà T. Phía bị đơn bà H cho rằng có trả lãi đầy đủ cho bà T từ khi vay đến tháng 4/2019 nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh số tiền lãi đã trả nên không có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của N đơn bà Hồ Thị Kim T và bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H thống nhất xác định mức lãi thỏa thuận khi vay là 05%/tháng là quá cao so với quy định của pháp luật và thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử tính lại mức lãi suất theo thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật là 20%/năm, thống nhất làm tròn 1,67%/tháng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiền lãi cụ thể như sau:

Tiền lãi từ ngày 06/02/2018 (tức ngày 21.12.2017 âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm 14/9/2020 là 02 năm 07 tháng 06 ngày. Tiền gốc 250.000.000 đồng x 1.67%/tháng x 02 năm 07 tháng 06 ngày = 130.260.000 đồng.

[5] Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Hồ Thị Kim T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Mỹ H phải trả lãi cho bà T theo

mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn bà Hồ Thị Kim T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H có nghĩa vụ chịu 19.013.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 274, Điều 280, khoản 2 Điều 357, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, khoản 1 và khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Kim T. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 130.260.000 đồng (một trăm ba mươi triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng), tổng cộng là 380.260.000 đồng (ba trăm tám mươi triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Hồ Thị Kim T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn Thị Mỹ H phải trả lãi cho bà T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Kim T về việc buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V cùng có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 130.260.000 đồng (một trăm ba mươi triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng), tổng cộng là 380.260.000 đồng (ba trăm tám mươi triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Kim T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 đồng (Sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002465 ngày 09/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 19.013.000 đồng (mười chín triệu, không trăm mười ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Triều Vũ Hà